

BÁO CÁO
Kết quả giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng đầu năm
và ước thực hiện cả năm 2024

Căn cứ Chương trình kỳ họp thứ 18, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021-2026, trên cơ sở số liệu giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của Kho bạc Nhà nước Bình Phước đến ngày 31/10/2024 và qua rà soát tiến độ thực hiện các dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024, như sau:

1. Kết quả giải ngân 10 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2024

Tổng điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh) đã giao là 3.674.704 triệu đồng, thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 1.702.852 triệu đồng, đạt 30,7% so với chỉ tiêu Chính phủ giao và đạt 46,3% so với kế hoạch tỉnh giao; ước giải ngân cả năm 2024 là 3.478.000 triệu đồng, đạt 95% so với kế hoạch tỉnh giao, bao gồm:

a) Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch vốn giao 784.352 triệu đồng, giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 206.506 triệu đồng, đạt 26,3% kế hoạch, ước giải ngân cả năm 2024 là 738.000 triệu đồng, đạt 94% kế hoạch, trong đó:

- Vốn các chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn giao 395.800 triệu đồng, giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 121.707 triệu đồng, đạt 30,7% kế hoạch, ước giải ngân cả năm 2024 là 375.000 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch.

- Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn giao 343.891 triệu đồng, giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 84.799 triệu đồng, đạt 24,7% kế hoạch, ước giải ngân cả năm 2024 là 333.000 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch.

b) Vốn ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn giao 2.890.352 triệu đồng, giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 1.496.346 triệu đồng, đạt 51,8% kế hoạch, ước giải ngân cả năm 2024 là 2.740.000 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Kế hoạch vốn giao 493.310 triệu đồng, giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 305.334 triệu đồng, đạt 61,9% kế hoạch, ước giải ngân cả năm 2024 là 490.000 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: Kế hoạch vốn giao 1.007.242 triệu đồng, giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 562.067 triệu đồng, đạt 55,8% kế hoạch, ước giải ngân cả năm 2024 là 1.000.000 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch.

- Vốn xổ số kiến thiết: Kế hoạch vốn giao 1.372.000 triệu đồng, giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 628.945 triệu đồng, đạt 45,8% kế hoạch, ước giải ngân cả năm 2024 là 1.250.000 triệu đồng, đạt 91% kế hoạch.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn đối ứng dự án ODA): Kế hoạch vốn giao 17.800 triệu đồng, 10 tháng đầu năm 2024 chưa giải ngân do dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp) hiện nay đã hoàn thành và kết thúc hiệp định vay nên không còn nhu cầu sử dụng vốn vay.

2. Kết quả giải ngân cụ thể của các chủ đầu tư, chương trình và ngành lĩnh vực

- Phân theo chủ đầu tư: Huyện Hớn Quản đạt 66,6%; thị xã Chơn Thành đạt 63,2%; huyện Bù Đốp đạt 63,1%; huyện Đồng Phú đạt 58,4%; huyện Phú Riềng đạt 49,6%; huyện Bù Gia Mập đạt 47,6%; huyện Lộc Ninh đạt 43,5%; Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh đạt 43%; thành phố Đồng Xoài đạt 38,3%; huyện Bù Đăng đạt 32,6%; thị xã Phước Long đạt 29,4%; thị xã Bình Long đạt 21,5%. Trong đó:

Vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố: Kế hoạch vốn giao 1.426.237 triệu đồng, giải ngân 10 tháng đầu năm 2024 là 693.075 triệu đồng, đạt 48,6% kế hoạch giao, cụ thể: Huyện Hớn Quản đạt 75,3%; huyện Bù Đốp đạt 64,6%; huyện Đồng Phú đạt 62,3%; thị xã Chơn Thành đạt 58,1%; thị xã Phước Long đạt 52,5%; huyện Bù Gia Mập đạt 51,2%; thành phố Đồng Xoài đạt 41,4%; huyện Lộc Ninh đạt 37,2%; huyện Phú Riềng đạt 36,4%; thị xã Bình Long đạt 29,2%; huyện Bù Đăng đạt 28,6%.

- Phân theo chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt 20%; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 23,7%; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đạt 0%.

- Phân theo ngành, lĩnh vực: Văn hóa xã hội đạt 81,6%; Giáo dục và Đào tạo đạt 61,9%; Y tế đạt 55,6%; Giao thông vận tải và Hạ tầng đô thị đạt 49,7%; Công nghiệp đạt 36,8%; Quốc phòng - An ninh đạt 34,4%; Nông nghiệp, thủy lợi đạt 11,2%; Quản lý nhà nước đạt 0%.

3. Đánh giá chung và nguyên nhân

a) Đánh giá chung

Kết quả giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng đầu năm 2024 của tỉnh đạt thấp 46,3%, thấp hơn 4,9 điểm % so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 là 51,2%), trong đó vốn ngân sách trung ương đạt tỷ lệ 26,3%, đặc biệt vốn ngân sách trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia chỉ đạt 24,7%. Ngoại trừ tỷ lệ giải ngân đạt khá của một số huyện, như: Huyện Hớn Quản đạt 66,6%; thị xã Chơn Thành đạt 63,2%; huyện Bù Đốp đạt 63,1%; huyện Đồng Phú đạt 58,4%; huyện Phú Riềng đạt 49,6%, còn lại các đơn vị khác giải ngân còn thấp, nhất là: Thị xã Bình Long đạt 21,5%; thị xã Phước Long đạt 29,4%; huyện Bù Đăng đạt 32,6%; thành phố Đồng Xoài đạt 38,3%. Một số Sở, ngành được giao làm chủ đầu tư giải ngân chưa tích cực.

b) Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan:

- Do thị trường bất động sản trầm lắng, công tác đấu giá quyền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn, trong khi vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn

55,7% trên tổng vốn đầu tư công của tỉnh, do đó ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và giải ngân vốn các dự án từ nguồn vốn này.

- Việc giải ngân vốn 3 Chương trình mục tiêu quốc gia đạt thấp do một số địa phương có công trình nằm trong đất lâm phần, đất khoáng sản, vướng quy hoạch bờ-xít, tỉnh đã kiến nghị nên đến nay vẫn đang chờ giải pháp cơ chế để giải quyết khó khăn, vướng mắc.

* Nguyên nhân chủ quan:

- Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở do Sở Y tế làm chủ đầu tư mới hoàn thiện thủ tục đầu tư trình phê duyệt dự án cuối tháng 10 năm 2024. Trên cơ sở đó, đầu tháng 11 năm 2024 Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn cho dự án nên chưa kịp giải ngân.

- Một số địa phương công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt, thời gian kéo dài, công tác tổ chức thực hiện phê duyệt dự toán và đấu thầu mua xi măng còn chậm, trong tháng 9/2024 mới tổ chức đấu thầu.

- Một số dự án còn vướng công tác giải phóng mặt bằng, như: Dự án Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú); Dự án Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư; Dự án Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)...

4. Giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024

- Quyết liệt chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Công điện số 24/CD-TTg ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024; Công điện số 104/CD-TTg ngày 08/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024; Công điện số 03/CD-BKHĐT ngày 04/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024, hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các dự án sử dụng tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 và hoàn thành thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 1332/UBND-TH ngày 11/4/2024, Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 06/6/2024 về đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 06/9/2024 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024 và Công văn số 4541/UBND-TH ngày 04/11/2024 về đôn đốc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024.

- Các sở, ban ngành, địa phương, các chủ đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động rà soát trong quá trình triển khai thực hiện dự án, kịp thời tháo gỡ nhanh nhất những khó khăn, vướng mắc về các thủ tục liên quan thuộc

lĩnh vực phân công theo dõi, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo.

- Chủ động, rà soát đánh giá khả năng giải ngân của từng dự án để có phương án điều chỉnh kế hoạch vốn từ những dự án chậm giải ngân sang dự án giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung trong nội bộ nguồn vốn thuộc ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố theo quy định, để đảm bảo giải ngân hết số vốn được giao trong kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2024 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31/10/2024.

- Thực hiện ngay thủ tục thanh toán vốn đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu theo quy định, không để dồn thanh toán vào cuối năm; khẩn trương hoàn thiện các thủ tục quyết toán, giải ngân vốn đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về công tác đấu giá quyền sử dụng đất với kết quả cao nhất để có nguồn thu giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn này.

- Tiếp tục duy trì giao ban định kỳ về giải ngân vốn đầu tư công để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho từng dự án cụ thể, từng địa phương, nhất là tập trung thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, kịp thời, hiệu quả để đẩy mạnh giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi chặt chẽ việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn các dự án.

- Đề cao vai trò và gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan; kiên quyết thực hiện việc điều chuyển cán bộ đối với những cán bộ sợ sai, sợ trách nhiệm, gây ách tắc trong thực hiện giải ngân vốn đầu tư công.

- Đối với vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố: Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo quyết liệt việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn phải đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân đúng các quy định pháp luật về đầu tư công. Đồng thời, đẩy mạnh giải ngân số vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước cơ quan thanh tra, kiểm toán, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phân bổ và giải ngân vốn phân cấp được giao.

- Đối với dự án Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ giao vốn cho dự án từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022. Đối với dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), hiện nay Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện dự án tại Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 20/9/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ công tác

triển khai dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện dự án để đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch được Chính phủ ban hành.

- Đối với lập kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030: Yêu cầu các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, tiếp tục thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đảm bảo chất lượng các nội dung tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 6555/BKHĐT-TH ngày 16/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 3473/UBND-TH ngày 26/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Kèm theo Biểu số 1, Biểu số 2, Phụ lục 2.1, Biểu số 3, Biểu số 4).

Trên đây là báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tuệ Hiền

BIỂU 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 10 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 386 /BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024		Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024			Ước thực hiện giải ngân cả năm 2024		
		Trung ương giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ %	
					Trung ương giao	Tỉnh giao		Trung ương giao	Tỉnh giao
	TỔNG SỐ	5.545.462	3.674.704	1.702.852	30,7	46,3	3.478.000	63	95
I	Vốn ngân sách trung ương	784.352	784.352	206.506	26,3	26,3	738.000	94	94
1	Các Chương trình mục tiêu	395.800	395.800	121.707	30,7	30,7	375.000	95	95
2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	343.891	343.891	84.799	24,7	24,7	333.000	97	97
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	188.432	188.432	48.620	25,8	25,8	180.000	96	96
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.699	3.699		-	-	3.000	81	81
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	151.760	151.760	36.179	23,8	23,8	150.000	99	99
3	Vốn nước ngoài	44.661	44.661		-	-	30.000	67	67
II	Vốn ngân sách địa phương	4.761.110	2.890.352	1.496.346	31,4	51,8	2.740.000	58	95
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	493.310	493.310	305.334	61,9	61,9	490.000	99	99
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.100.000	1.007.242	562.067	18,1	55,8	1.000.000	32	99
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.150.000	1.372.000	628.945	54,7	45,8	1.250.000	99	91
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	17.800	17.800		-	-			



BIỂU 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 386 /BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Tổng số	3.674.704	784.352	493.310	1.007.242	1.372.000	17.800	1.702.852	46,3
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố	1.426.237	339.670	303.600	462.560	320.407	-	693.075	48,6
1	Thành phố Đồng Xoài	107.000		28.600	78.400			44.318	41,4
2	Thị xã Bình Long	41.439	472	25.300	8.820	6.847		12.117	29,2
	<i>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</i>	<i>6.800</i>				<i>6.800</i>		<i>-</i>	
	<i>Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>519</i>	<i>472</i>			<i>47</i>		<i>-</i>	
3	Thị xã Phước Long	56.819		24.200	11.760	20.859		29.821	52,5
	<i>Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 20 phòng học)</i>	<i>14.000</i>				<i>14.000</i>		<i>13.855</i>	
	<i>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</i>	<i>6.859</i>				<i>6.859</i>		<i>1.799</i>	
4	Huyện Đồng Phú	137.516	23.469	28.600	44.100	41.347		85.636	62,3
	<i>Trong đó:</i>								
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	<i>13.230</i>			<i>13.230</i>				
	<i>Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 40 phòng học)</i>	<i>28.000</i>				<i>28.000</i>		<i>8.817</i>	
	<i>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</i>	<i>11.000</i>				<i>11.000</i>		<i>6.357</i>	
	<i>Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>25.816</i>	<i>23.469</i>			<i>2.347</i>		<i>7.118</i>	
5	Huyện Bù Đăng	214.596	74.551	31.900	64.680	43.465		61.453	28,6
	<i>Trong đó:</i>								

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	19.404			19.404				
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000				21.000		17.049	
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	69.900	49.900			20.000		249	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	27.116	24.651			2.465		3.995	
6	Huyện Bù Gia Mập	155.027	96.200	27.500	15.680	15.647		79.443	51,2
	Trong đó:								
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	4.704			4.704				
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	27.722	19.722			8.000		7.895	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	84.125	76.478			7.647		28.988	
7	Thị xã Chơn Thành	134.260		27.500	99.960	6.800		78.069	58,1
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	6.800				6.800		942	
8	Huyện Hớn Quản	178.356	25.769	27.500	58.800	66.287		134.357	75,3
	Trong đó:								
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	17.640			17.640				
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 70 phòng học)	49.000				49.000		43.896	
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	39.900	22.900			17.000		20.883	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.156	2.869			287		693	
9	Huyện Lộc Ninh	211.171	57.631	30.800	50.960	71.780		78.584	37,2
	Trong đó:								
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	15.288			15.288				
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 70 phòng học)	49.000				49.000		21.741	

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	29.400	11.400			18.000		13.973	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	51.011	46.231			4.780		5.902	
10	Huyện Bù Đốp	71.387	15.260	25.300	8.820	22.007		46.096	64,6
	Trong đó:								
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	2.646			2.646				
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000				21.000		13.495	
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	5.200	5.200					1.554	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	11.067	10.060			1.007		2.388	
11	Huyện Phú Riềng	118.666	46.318	26.400	20.580	25.368		43.181	36,4
	Trong đó:								
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	6.174			6.174				
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 20 phòng học)	14.000				14.000		3.282	
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	53.638	42.638			11.000		17.312	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.048	3.680			368		-	
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	16.070		16.070	-	-	-	5.033	31,3
	Sở Tài chính	16.070		16.070				5.033	
C	Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách trung ương	46.684		10.000		36.684			
D	Hoàn trả ngân sách tỉnh	-		-	-				
I	Hụt thu tiền sử dụng đất khối tỉnh năm 2022	-			-				



STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
II	Hoàn trả nguồn hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh	-			-				
E	Vốn thực hiện dự án	2.185.713	444.682	163.640	544.682	1.014.909	17.800	1.004.744	46,0
I	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	931.847	245.000	71.600	81.450	515.997	17.800	420.436	45,1
	Dự án chuyển tiếp	749.000	199.000	71.600	61.450	399.150	17.800	387.527	51,7
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư	455.200	199.000		47.450	208.750		241.911	53,1
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	27.000				27.000		5.152	
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	36.600		36.600				450	
4	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	14.000			14.000			14.000	
5	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	100.000				100.000		56.677	
6	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	17.800					17.800	-	
7	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	10.000				10.000		40	
8	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	9.100				9.100		820	
9	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	11.300				11.300		8.670	
10	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	6.900				6.900		6.545	

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
11	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	26.100				26.100		26.100	
12	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	35.000		35.000				27.162	
	Dự án khởi công mới	149.000	46.000	-	20.000	83.000	-	10.517	
13	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	46.000	46.000					8.671	
14	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	5.000				5.000		-	
15	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đak Woa, huyện Bù Đăng	39.000				39.000		1.846	
16	Dự án Cải tạo, nâng cấp hội trường tỉnh	59.000			20.000	39.000		-	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	33.847	-	-	-	33.847	-	22.392	
17	Xây dựng đường giao thông từ ngã ba Vườn chuối (quốc lộ 14) đến vực trồng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	9.680				9.680		9.652	
18	Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	11.380				11.380		11.377	
19	Xây dựng khu điều dưỡng và phục hồi chức năng Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe tỉnh	20				20		17	
20	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú	1.350				1.350		1.346	
21	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	6.412				6.412		-	
22	Giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn phục vụ dự án xây dựng cầu dân sinh (Dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh Bình Phước	24				24		-	
23	Trại thực nghiệm Khoa học và Công nghệ	4.912				4.912		-	

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
24	Nhà trưng bày, phòng chức năng và hạ tầng kỹ thuật tại vườn suu tập thực vật tỉnh Bình Phước	19				19		-	
25	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	50				50		-	
II	UBND thành phố Đồng Xoài	40.000	-	-	5.394	34.606	-	11.948	29,9
	Dự án chuyển tiếp	40.000	-	-	5.394	34.606	-	11.948	
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	40.000			5.394	34.606		11.948	
III	UBND huyện Đồng Phú	122.362	64.000	-	52.232	6.130	-	66.157	54,1
	Dự án chuyển tiếp	116.232	64.000	-	52.232	-	-	66.054	
1	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	64.000	64.000					21.054	
2	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	16.232			16.232			15.000	
3	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	12.000			12.000			10.000	
4	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	12.000			12.000			10.000	
5	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riềng Đỏ từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	12.000			12.000			10.000	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	6.130	-	-	-	6.130	-	103	
6	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	140				140		103	

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
7	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	98				98		-	
8	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 3 ấp Phước Tiến, Nam Đô đến ngã ba ấp Sắc Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú.	667				667		-	
9	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước - Đồng Tiến - Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	5.225				5.225		-	
IV	UBND thị xã Bình Long	79.000	-	-	40.000	39.000	-	13.780	17,4
	Dự án chuyển tiếp	79.000	-	-	40.000	39.000	-	13.780	
1	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	30.000			30.000			409	
2	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	30.000			10.000	20.000		8.039	
3	Xây dựng trường THPT Bình Long	19.000				19.000		5.332	
V	UBND thị xã Phước Long	78.000	-	7.000	63.000	8.000	-	9.797	12,6
	Dự án chuyển tiếp	78.000	-	7.000	63.000	8.000	-	9.797	
1	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	8.000				8.000		2.969	
2	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	15.000			15.000			2.000	
3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	35.000		7.000	28.000			4.828	
4	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	20.000			20.000			-	



STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
VI	UBND thị xã Chơn Thành	30.000	-	-	-	30.000	-	25.679	85,6
	Dự án khởi công mới	30.000	-	-	-	30.000	-	25.679	
1	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	30.000				30.000		25.679	
VII	UBND huyện Lộc Ninh	74.000	35.000	-	39.000	-	-	45.333	61,3
	Dự án chuyển tiếp	74.000	35.000	-	39.000	-	-	45.333	
1	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chẽ Biền đi cầu Đò xã Lộc Điền)	35.000	35.000					17.833	
2	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	12.000			12.000			10.000	
3	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	11.000			11.000			10.000	
4	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	16.000			16.000			7.500	
VIII	UBND huyện Bù Đốp	93.256	-	-	79.000	14.256	-	57.850	62,0
	Dự án chuyển tiếp	93.000	-	-	79.000	14.000	-	57.850	
1	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	19.000			19.000			19.000	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	20.000			20.000			7.498	
3	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	20.000			20.000			20.000	
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	20.000			20.000			-	
5	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	7.000				7.000		4.352	
6	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	7.000				7.000		7.000	

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	256	-	-	-	256	-	-	
7	Xây dựng khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng trường THPT Tân Tiến, huyện Bù Đốp	162				162		-	
8	Xây dựng Trường mầm non Hưng Phước	94				94		-	
IX	UBND huyện Bù Gia Mập	70.844	-	-	70.000	844	-	28.000	39,5
	Dự án chuyển tiếp	70.000	-	-	70.000	-	-	28.000	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Đăk Ố xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	20.000			20.000			10.000	
2	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14C)	20.000			20.000			8.000	
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kia qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	20.000			20.000			10.000	
4	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	10.000			10.000			-	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	844	-	-	-	844	-	-	-
5	Đường và cầu từ ĐT 759 đến trung tâm xã Phước Minh huyện Bù Gia Mập	844				844		-	
X	UBND huyện Bù Đăng	32.000	-	-	20.000	12.000	-	18.952	59,2
	Dự án chuyển tiếp	32.000	-	-	20.000	12.000	-	18.952	
1	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	5.000			5.000			1.959	

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	10.000			10.000			-	
3	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	5.000			5.000			5.000	
4	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	12.000				12.000		11.993	
XI	UBND huyện Hớn Quản	66.606	5.000	-	54.606	7.000	-	28.745	43,2
	Dự án chuyển tiếp	66.606	5.000	-	54.606	7.000	-	28.745	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	5.000	5.000					1.945	
2	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	5.000			5.000			-	
3	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	20.000			20.000			20.000	
4	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	14.606			14.606			-	
5	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	15.000			15.000			-	
6	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	7.000				7.000		6.800	
XII	UBND huyện Phú Riềng	127.010		-	40.000	87.010	-	78.696	62,0
	Dự án chuyển tiếp	125.400		-	40.000	85.400	-	77.092	
1	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng).	20.000			20.000			15.675	

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
2	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	50.000				50.000		50.000	
3	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản).	25.400				25.400		5.000	
4	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	30.000			20.000	10.000		6.417	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	1.610		-	-	1.610	-	1.604	
5	Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Phú Riềng	1.610				1.610		1.604	
XIII	Chi cục Kiểm Lâm	5.000		5.000	-	-	-	4.397	87,9
	Dự án chuyển tiếp	5.000		5.000	-	-	-	4.397	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	5.000		5.000				4.397	
XIV	Liên minh HTX tỉnh	5.050	-	5.000	-	50	-	5.000	99,0
	Dự án chuyển tiếp	5.000		5.000	-	-	-	5.000	
1	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	5.000		5.000				5.000	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	50	-	-	-	50	-	-	
2	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	50				50			
XV	Đài PTTH và Báo Bình Phước	35.040		35.040	-	-	-	34.158	97,5
	Dự án chuyển tiếp	35.040		35.040	-	-	-	34.158	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	35.040		35.040				34.158	

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
XVI	Sở Thông tin và Truyền thông	150.000		-	-	150.000	-	113.389	75,6
	Dự án chuyển tiếp	150.000		-	-	150.000	-	113.389	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	150.000				150.000		113.389	
XVII	Công an tỉnh	55.000		30.000	-	25.000	-	37.964	69,0
	Dự án chuyển tiếp	15.000		15.000	-	-	-	14.518	
1	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP	15.000		15.000				14.518	
	Dự án khởi công mới	40.000		15.000	-	25.000	-	23.446	
2	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	25.000				25.000		15.054	
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	15.000		15.000				8.392	
XVIII	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	21.713	-	10.000	-	11.713	-	1.029	4,7
	Dự án khởi công mới	20.000		10.000	-	10.000	-	1.029	
1	Sở chỉ huy thống nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1	10.000		10.000				-	
2	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	10.000				10.000		1.029	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	1.713	-	-	-	1.713	-	-	
3	Nhà ở cán bộ, chiến sỹ, hội trường, nhà ăn và hồ bơi cho các đơn vị thuộc Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	1.713				1.713		-	
XIX	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	46.800	46.800	-	-	-	-	3.434	7,3



STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024						Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Tỷ lệ (%)
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Dự án chuyển tiếp	46.800	46.800	-	-	-	-	3.434	
1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	46.800	46.800					3.434	
XX	Ban Dân tộc tỉnh	574	522	-	-	52	-	-	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	574	522			52		-	
XXI	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2.589	2.589	-	-	-	-	-	
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	2.589	2.589					-	
XXII	Sở Y tế	54.661	44.661	-	-	10.000	-	-	-
	Dự án khởi công mới	54.661	44.661	-	-	10.000	-	-	
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở	54.661	44.661			10.000		-	
F	Chương trình MTQG	64.361	1.110	-	-	63.251	-	-	
1	Chương trình MTQG nông thôn mới	53.541				53.541		-	
2	Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo năm 2023	10.820	1.110			9.710		-	

11/5/2024

Phụ lục 2.1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN PHÂN CẤP CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 386 /BC-SKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024	Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ (%)
	TỔNG CỘNG	1.426.237	693.075	48,6
1	Thành phố Đồng Xoài	107.000	44.318	41,4
2	Thị xã Bình Long	41.439	12.117	29,2
3	Huyện Lộc Ninh	211.171	78.584	37,2
4	Thị xã Phước Long	56.819	29.821	52,5
5	Huyện Bù Đăng	214.596	61.453	28,6
6	Huyện Đồng Phú	137.516	85.636	62,3
7	Thị xã Chơn Thành	134.260	78.069	58,1
8	Huyện Bù Đốp	71.387	46.096	64,6
9	Huyện Hớn Quản	178.356	134.357	75,3
10	Huyện Bù Gia Mập	155.027	79.443	51,2
11	Huyện Phú Riềng	118.666	43.181	36,4

BIỂU 3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Báo cáo số 386 /BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024	Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ (%)
	TỔNG CỘNG	3.674.704	1.702.852	46,3
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	978.531	420.436	43,0
2	Thành phố Đồng Xoài	147.000	56.266	38,3
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	107.000	44.318	41,4
	Vốn thực hiện dự án	40.000	11.948	29,9
3	Thị xã Bình Long	120.439	25.897	21,5
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	41.439	12.117	29,2
	Vốn thực hiện dự án	79.000	13.780	17,4
4	Huyện Lộc Ninh	285.171	123.917	43,5
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	211.171	78.584	37,2
	Vốn thực hiện dự án	74.000	45.333	61,3
5	Thị xã Phước Long	134.819	39.618	29,4
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	56.819	29.821	52,5
	Vốn thực hiện dự án	78.000	9.797	12,6
6	Huyện Bù Đăng	246.596	80.405	32,6
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	214.596	61.453	28,6
	Vốn thực hiện dự án	32.000	18.952	59,2
7	Huyện Đồng Phú	259.878	151.793	58,4
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	137.516	85.636	62,3
	Vốn thực hiện dự án	122.362	66.157	54,1
8	Thị xã Chơn Thành	164.260	103.748	63,2
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	134.260	78.069	58,1
	Vốn thực hiện dự án	30.000	25.679	85,6
9	Huyện Bù Đốp	164.643	103.946	63,1
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	71.387	46.096	64,6
	Vốn thực hiện dự án	93.256	57.850	62,0
10	Huyện Hớn Quản	244.962	163.102	66,6
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	178.356	134.357	75,3
	Vốn thực hiện dự án	66.606	28.745	43,2
11	Huyện Bù Gia Mập	225.871	107.443	47,6
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	155.027	79.443	51,2
	Vốn thực hiện dự án	70.844	28.000	39,5
12	Huyện Phú Riềng	245.676	121.877	49,6
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	118.666	43.181	36,4
	Vốn thực hiện dự án	127.010	78.696	62,0
13	Các đơn vị khác	456.858	204.404	44,7
13.1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	21.713	1.029	4,7
13.2	Công an tỉnh	55.000	37.964	69,0
13.3	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	46.800	3.434	7,3
13.4	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	53.541	-	0,0
13.5	Sở Tài chính	16.070	5.033	31,3
13.6	Đài PTTH và Báo Bình Phước	35.040	34.158	97,5
13.7	Sở Thông tin và Truyền thông	150.000	113.389	75,6
13.8	Chi cục Kiểm lâm	5.000	4.397	87,9
13.9	Liên minh HTX tỉnh	5.050	5.000	99,0
13.10	Ban Dân tộc tỉnh	10.284	-	0,0
13.11	Sở Y tế	54.661	-	0,0
13.12	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.699	-	0,0

BIỂU 4
TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC
(Kèm theo Báo cáo số **386** /BC-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
ĐVT: Triệu đồng

STT	Ngành lĩnh vực	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024	Thực hiện giải ngân 10 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng		3.674.704	1.702.852	46,3
1	Công nghiệp	43.712	16.075	36,8
2	Giao thông vận tải & Hạ tầng đô thị	1.952.424	971.211	49,7
3	Y tế	164.652	91.541	55,6
4	Giáo dục và Đào tạo	403.238	249.497	61,9
5	Văn hóa - Xã hội	246.238	200.809	81,6
6	Quốc phòng - An ninh	123.513	42.427	34,4
7	Nông nghiệp, thủy lợi	100.734	11.243	11,2
8	Quản lý nhà nước	63.931	-	0,0
9	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	355.421	70.964	20,0
10	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	207.432	49.084	23,7
11	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	13.409	-	0,0

